TỈNH ỦY CAO BẰNG
TRƯỜNG CT HOÀNG ĐÌNH GIONG
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Cao Bằng, ngày 04 tháng 6 năm 2020

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị - hành chính khóa 64

Môn: Phần II. Những vấn đề cơ bản về Đảng Cộng sản và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Ngày thi: 18/5/2020

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	*Bằng chữ*			*Số*	*Bằng chữ*
1	Nguyễn Bình An	5,75	Năm phẩy bảy năm	34	Lương Trọng Kiên	6,00	Sáu
2	Nông Văn An	6,00	Sáu	35	Nông Thanh Lịch	8,25	Tám phẩy hai năm
3	Trần Thị Vân Anh	5,50	Năm phẩy năm	36	Đinh Bộ Lĩnh	7,00	Bảy
4	Nông Bảo Anh	7,00	Bảy	37	Phạm Thị Loan	5,75	Năm phẩy bảy năm
5	Nguyễn Kim Anh	6,50	Sáu phẩy năm	38	Lý Đức Long	6,50	Sáu phẩy năm
6	Hứa Thị Bích	7,00	Bảy	39	Phùng Văn Luận	6,25	Sáu phẩy hai năm
7	Đàm Minh Chung	5,75	Năm phẩy bảy năm	40	Chu Tuấn Nghĩa	6,00	Sáu
8	Trần Văn Chưởng	5,50	Năm phẩy năm	41	Phạm Thị Linh Nhâm	7,50	Bảy phẩy năm
9	Long Văn Công	5,50	Năm phẩy năm	42	Vi Đàm Nhất	6,00	Sáu
10	Trần Thị Kim Diệu	6,00	Sáu	43	Hoàng Thế Phương	5,50	Năm phẩy năm
11	Nguyễn Thị Đông	5,75	Năm phẩy bảy năm	44	Lưu Danh Phượng	5,25	Năm phẩy hai năm
12	Lôi Vĩnh Du	6,00	Sáu	45	Nông Văn Quảng	5,50	Năm phẩy năm
13	Đặng Việt Dũng	7,00	Bảy	46	Nông Văn Tân		**Thôi học**
14	Bế Đức Dũng		**Thôi học**	47	Lương Anh Tân	6,00	Sáu
15	Triệu Văn Dương	6,50	Sáu phẩy năm	48	Huỳnh Cao Thái	7,00	Bảy
16	Lục Quang Giang	5,00	Năm	49	Hoàng Thị Thắm	7,00	Bảy
17	Hoàng Hà	7,00	Bảy	50	Phùng Trung Thành	5,50	Năm phẩy năm
18	Hoàng Minh Hải	5,50	Năm phẩy năm	51	Lương Đình Thi	7,00	Bảy
19	Lê Minh Hải	5,75	Năm phẩy bảy năm	52	Long Thị Thiềm	7,50	Bảy phẩy năm
20	Đỗ Ngọc Hải	6,50	Sáu phẩy năm	53	Nông Văn Thọ	6,50	Sáu phẩy năm
21	Lê Thị Hồng Hạnh	7,00	Bảy	54	Đặng Thị Kim Thoa	6,75	Sáu phẩy bảy năm
22	Lô Thị Hiểu	7,25	Bảy phẩy hai năm	55	Hoàng Thị Thu	6,25	Sáu phẩy hai năm
23	Nông Minh Hoàn	5,25	Năm phẩy hai năm	56	Đàm Thị Thúy	7,00	Bảy
24	Ngọc Văn Hội	5,75	Năm phẩy bảy năm	57	Vũ Thị Quỳnh Trang	7,00	Bảy
25	Mã Thị Hồng	7,25	Bảy phẩy hai năm	58	Nguyễn Thị Thu Trang	5,50	Năm phẩy năm
26	Lương Xuân Huân	5,25	Năm phẩy hai năm	59	La Thu Trang	7,00	Bảy

27	Nông Quốc Huân	6,75	Sáu phẩy bảy năm	60	Nông Văn Trường	5,00	Năm
28	Nguyễn Thị Hường	6,50	Sáu phẩy năm	61	Đinh Quốc Trưởng	6,25	Sáu phẩy hai năm
29	Lương Thị Hường	6,75	Sáu phẩy bảy năm	62	Nguyễn Thanh Tùng	5,50	Năm phẩy năm
30	Nguyễn Xuân Huyên	5,75	Năm phẩy bảy năm	63	Vy Văn Tuyên	5,75	Năm phẩy bảy năm
31	Mã Thị Thanh Huyền	5,75	Năm phẩy bảy năm	64	Dương Thị Hồng Vân	8,00	Tám
32	Lương Trung Kiên	5,00	Năm	65	Nguyễn Thị Vân	7,50	Bảy phẩy năm
33	Nông Trung Kiên	5,50	Năm phẩy năm	66	Đàm Quang Xô	7,75	Bảy phẩy bảy năm

Điểm 5,00: 03 điểm; Điểm 5,25: 03 điểm; Điểm 5,50: 10 điểm; Điểm 5,75: 08 điểm; Điểm 6,00: 06 điểm; Điểm 6,25: 03 điểm; Điểm 6,50: 06 điểm; Điểm 6,75: 03 điểm; Điểm 7,00: 12 điểm; Điểm 7,25: 02 điểm; Điểm 7,50: 03 điểm; Điểm 7,75: 01 điểm; Điểm 8,00: 01 điểm; Điểm 8,25: 01 điểm./.

GHI ĐIỂM	PHÒNG QL ĐÀO TẠO VÀ NCKH TRƯỞNG PHÒNG	HIỆU TRƯỞNG
Lê Thị Thư	Hoàng Việt Hưng	Trịnh Thị Ánh Hoa

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ HOÀNG ĐÌNH GIONG
TỈNH ỦY CAO BẰNG